

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HS-ST

Ngày: 12-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết

Ông Trần Hoàng Trục

Bà Lương Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 48/2024/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn C**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bắc Giang; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H, sinh năm 1962 và bà Trần Thị N, sinh năm 1962; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1988; bị cáo có vợ tên Dương Thị Kiều O, sinh năm 1988 (đã ly hôn); bị cáo có con tên Ngô Gia B, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 102/HSST ngày 26/4/2011 của TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt Ngô Văn C xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”; đã thi hành xong Bản án ngày 26/01/2012; đã đóng án phí ngày 05/8/2011 tại Chi cục Thi hành án thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 29/9/2019 thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản”; Tại Bản án số 40/HSST ngày 19/02/2020 của TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt Ngô Văn C xử phạt 07 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo đang thi hành án tại Trại giam T7, “có mặt tại phiên tòa”.

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Luật sư Ngô Quốc C1, sinh năm 1973, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; Địa chỉ nơi làm việc: tổ C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

2/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, phường H, tỉnh Bắc Giang “vắng mặt”.

3/ Anh Trịnh Quốc Đ, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Thanh Hóa “vắng mặt”.

4/ Anh Ngô Văn H, sinh năm 1962; Nơi thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

- **Người làm chứng:**

1/ Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình “vắng mặt”.

2/ Anh Mai Văn Q, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

3/ Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

4/ Chị Võ Thị Minh T2, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

5/ Anh Lê Ngọc C2, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, tp T, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

6/ Anh Phạm Mạnh C3, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

7/ Anh Đinh Minh T3, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

8/ Chị Bùi Thị Kim T4, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

9/ Ông Bùi Văn T5, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người chứng kiến: Ông Phan Thanh B1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/01/2019, bị cáo Ngô Văn C điều khiển xe mô tô biển số 36M1-7140 chở chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1991, nơi thường trú: xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình, đi dự tiệc cưới của Mai Văn Q, sinh năm 1986 tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Tại tiệc cưới, bị cáo và chị T ngồi chung bàn với bạn của bị cáo là anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1997, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cùng với một số người khác. Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1993, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đến gọi H1 đi ra ngoài nói chuyện và dùng tay tát vào mặt H1 vì cho rằng H1 dùng tay sàm sờ vợ của T1 là Võ Thị Minh T2, sinh năm 1996, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nhân viên phục vụ tiệc cưới). Sau đó, H1 vào bàn tiếp tục dự tiệc cưới và nói cho bị cáo biết việc Hậu bị anh T1 đánh. Khoảng 10 phút sau, H1 đi ra bãi giữ xe ở đối diện cổng tiệc cưới lấy xe mô tô để đi về thì bị anh T1 dùng tay, chân đánh. Thấy Hậu bị đánh, bị cáo lấy trong túi quần ra 01 con dao dạng dao thái lan dài khoảng 15cm, lưỡi dao bằng kim loại, cầm bằng tay phải rồi chạy từ trong tiệc cưới đến vị trí của H1 và T1 đang đứng trong bãi giữ xe. Khi bị cáo chạy gần đến vị trí của H1 đang đứng thì ông Bùi Văn T5, sinh năm 1975, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nhìn thấy trên tay bị cáo có cầm dao nên đã dùng tay chụp tay cầm dao của bị cáo lại và hô lớn “thằng này cầm dao”, nhưng bị cáo vùng thoát ra được và tiếp tục chạy về phía cổng bãi giữ xe thì gặp anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1986, nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đang chạy bộ từ ngoài cổng vào theo ngược hướng chạy với bị cáo. Khi bị cáo đối mặt và cách anh S khoảng 40cm thì bị cáo dùng tay phải cầm dao đâm liên tiếp 02 nhát vào vùng ngực bên phải của anh S rồi chạy vào trong tiệc cưới và đưa dao cho chị T giữ. Chị T đã vứt bỏ con dao bị cáo đưa vào bụi cỏ ven đường ở bên hông tiệc cưới. Anh S bị thương được người thân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B, sau đó chuyển đến cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện P, thành phố Hồ Chí Minh; đến ngày 19/3/2019 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 108/2019/TgT ngày 09/9/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với thương tích của Nguyễn Trường S:

Vết thương thấu ngực phải tràn máu màng phổi phải đã phẫu thuật mở màng phổi + bóc vỏ màng phổi phải; 02 sẹo ngực phải khoa liên sườn II kích thước 1,5 x 0,3cm và 1,8 x 0,4cm lõm (sẹo do đâm); Sẹo mổ lưng phải kích thước 11 x 0,1cm gọn; 02 sẹo chân ống dẫn lưu đường nách giữa ngực phải kích thước 2 x 1cm và 3 x 1cm rúm; Sẹo chân ống dẫn lưu lưng phải kích thước 1,5 x 0,2cm mềm. Di chứng dày dính màng phổi phải vùng đáy; Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật sắc nhọn tác động gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 27%.

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 372/KLVGTT-TTPY ngày 06/9/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B:

Căn cứ biên bản thực nghiệm điều tra ngày 07/6/2024 và kết quả giám định vật gây thương tích phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định trong tư thế thực nghiệm điều tra khi tác động bằng phần mũi dao và lưỡi dao (mẫu vật cần giám định) vào cơ thể có thể gây ra được các thương tích vùng ngực phải của nạn nhân Nguyễn Trường S.

** Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:*

- 01 viên gạch tàu có kích thước (21x15,5x2)cm;
- 01 viên gạch loại gạch dùng xây tường, có kích thước (18x7x5)cm;
- 01 tấm bông dùng để thu vết màu nâu đỏ.
- 01 chứng minh nhân dân số: 285605400 mang tên Nguyễn Thanh H1;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 027469, biển số: 93P1 - 937.00 mang tên Nguyễn Thanh H1 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng - đỏ, biển số: 93P1 - 937.00.

- Thu giữ của Ngô Văn C do (Bùi Thị Huyền T giao nộp: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số: 36M6 - 7140; 01 điện thoại di động dạng bàn phím, màu đen vàng, có dòng chữ “itel”.

** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trường S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 80.000.000 đồng tổn thất sức khỏe, tiền khám chữa bệnh và tiền công lao động. Bị cáo chưa bồi thường.*

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSBP-P2 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Ngô Văn C về tội “Giết người” trong trường hợp phạm tội chưa đạt, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và Điều 15 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Văn C về tội “Giết người” trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điều 15, 38, 50, 57 các điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Ngô Văn C mức án tù 09 đến 10 năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 40/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Ngô Văn C phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại

- Bị cáo Ngô Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo một mức án nhẹ nhất.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Về tội danh: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt truy tố bị cáo. Về hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, bản kết luận giám định pháp y về thương tích; phù hợp với vật chứng của vụ án và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/01/2019 tại tiệc cưới của anh Mai Văn Q ở ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, bị cáo nhìn thấy Nguyễn Thanh Hậu B2 Nguyễn Thanh T1 đánh tại bãi giữ xe trước cổng tiệc cưới nên đã cầm 01 con dao dạng dao thái lan dài khoảng 15cm, lưỡi dao bằng kim loại chạy đến chỗ đánh nhau. Trên đường chạy đến chỗ của H1 thì có anh Nguyễn Trường S đi bộ ngược hướng với bị cáo. Mặc dù anh S không tham gia đánh H1 và cũng không có

mâu thuẫn gì với bị cáo C nhưng bị cáo đã sử dụng con dao có đặc điểm nêu trên đâm liên tiếp 02 nhát vào vùng ngực phải của anh S.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 108/2019/TgT ngày 09/9/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với thương tích của Nguyễn Trường S: Vết thương thấu ngực phải tràn máu màng phổi phải đã phẫu thuật mở màng phổi + bóc vỏ màng phổi phải; 02 sẹo ngực phải khoa liên sườn II kích thước 1,5 x 0,3cm và 1,8 x 0,4cm lồi (sẹo do đâm); Sẹo mổ lưng phải kích thước 11 x 0,1cm gọn; 02 sẹo chân ống dẫn lưu đường nách giữa ngực phải kích thước 2 x 1cm và 3 x 1cm rúm; Sẹo chân ống dẫn lưu lưng phải kích thước 1,5 x 0,2cm mềm. Di chứng dày dính màng phổi phải vùng đáy; Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật sắc nhọn tác động gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 27%. Việc anh S không tử vong là do được cứu chữa kịp thời, nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

[2.2] Như vậy, mặc dù giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng ngực là vùng trọng yếu của cơ thể bị hại. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể có thể dẫn đến bị hại tử vong nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, hậu quả làm bị hại bị thương tích 27% và việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, do đó, hành vi của bị cáo Ngô Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” trong trường hợp phạm tội chưa đạt với tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Ngô Văn C về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ việc dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng trọng yếu của cơ thể người bị hại là hành vi trái pháp luật và có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện tính côn đồ, hung hăng và manh động, xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự ưu tiên bảo vệ. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 26/4/2011 bị cáo đã bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Do sau khi thực hiện hành vi giết người, ngày 29/9/2019 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi cướp tài sản bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù giam theo Bản án số 40/HSST ngày 19/02/2020. Nên cần tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 80.000.000 đồng bao gồm: tiền tổn thất tinh thần, tiền khám chữa bệnh và tiền công lao động. Bị cáo đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 viên gạch tàu có kích thước (21x15,5x2)cm; 01 viên gạch loại gạch dùng xây tường, có kích thước (18x7x5)cm; 01 tấm bông dùng để thu vết màu nâu đỏ.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số: 36M6-7140, số khung: 060842, số máy: 5C61 - 060842 của bị cáo C (do Bùi Thị Huyền T giao nộp). Bị cáo C và bà Trần Thị N, SN 1962, tổ dân phố T, thị trấn B, phường H - là mẹ C đều xác định: bà N mua xe trên của 01 người đàn ông không nhớ tên và địa chỉ, sau đó đưa cho bị cáo C sử dụng. Kết quả tra cứu xe mô tô trên đứng tên ông Trịnh Quốc Đ, SN 1991, trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện K (trước đây là thị trấn C, huyện C), tỉnh Thanh Hóa. Ông Đ xác định mình không mua, không đứng tên sở hữu xe trên. Ngoài ra, ông Đ xác định mình từng bị mất chứng minh nhân dân nên có thể đã bị người khác sử dụng thông tin cá nhân để đăng ký xe này. Đến nay, Cơ quan CSĐT không xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu của xe mô tô trên. Xét thấy do không chứng minh nguồn gốc hợp pháp nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động dạng bàn phím, màu đen vàng, có dòng chữ “itel” thu giữ của bị cáo C (Bùi Thị Huyền T giao nộp), kết quả điều tra xác định bị cáo C không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng do bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường TNDS cho bị hại và cần đảm bảo cho việc thi hành án. Nên tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng - đỏ, biển số 93P1 - 937.00; Chứng minh nhân dân số: 285605400 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 027469: Kết quả xác minh là tài sản và giấy tờ hợp pháp của anh Nguyễn Thanh H1, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT đã trả cho anh H1, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[11] Về các vấn đề khác:

- Đối với Bùi Thị Huyền T6 có hành vi vứt bỏ con dao mà bị cáo C khai đã sử dụng đâm anh S ở bãi giữ xe sau đó vào trong đám cưới đưa cho T6: Kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT xác định T6 không bàn bạc, không biết việc bị cáo C sử dụng con dao này đâm anh S nên không có căn cứ xử lý về hành vi che dấu tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thanh H1 có kể lại sự việc bị Nguyễn Thanh T1 đánh cho bị cáo C nghe. Tuy nhiên, kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT xác định H1 không bàn bạc, không nhờ bị cáo C đánh T1 hay S. Giữa H1 và S cũng không có mâu thuẫn đánh nhau. Do đó, không có căn cứ xử lý H1 vai trò đồng phạm với bị cáo C. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Ngô Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị cáo Ngô Văn C phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*:

- Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn C** phạm tội “*Giết người*”.

2. *Về áp dụng pháp luật và hình phạt*:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 57; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn C** 09 (chín) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 40/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Ngô Văn C phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của Bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ các điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Trường S số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tuyên:

- *Tịch thu tiêu hủy:* 01 viên gạch tàu có kích thước (21x15,5x2)cm; 01 viên gạch loại gạch dùng xây tường, có kích thước (18x7x5)cm; 01 tấm bông dùng để thu vết màu nâu đỏ.

- *Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước* 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số: 36M6-7140 (nhận kèm Kết luận giám định, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong xe);

- *Tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án* 01 điện thoại di động dạng bàn phím, màu đen vàng, có dòng chữ “itel” (không kiểm tra bên trong máy, máy không lên nguồn).

5. *Các vấn đề khác:*

- *Đối với Bùi Thị Huyền T6 có hành vi vứt bỏ con dao mà bị cáo C khai đã sử dụng đâm anh S ở bãi giữ xe sau đó vào trong đám cưới đưa cho T6:* Kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT xác định T6 không bàn bạc, không biết việc bị cáo C sử dụng con dao này đâm anh S nên không có căn cứ xử lý về hành vi che dấu tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Đối với Nguyễn Thanh H1 có kể lại sự việc bị Nguyễn Thanh T1 đánh cho bị cáo C nghe.* Tuy nhiên, kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT xác định H1 không bàn bạc, không nhờ bị cáo C đánh T1 hay S. Giữa H1 và S cũng không có mâu thuẫn đánh nhau. Do đó, không có căn cứ xử lý H1 vai trò đồng phạm với bị cáo C. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

6. *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- *Án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo Ngô Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị cáo Ngô Văn C phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

7. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- CQ CSĐT - Công an tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - Công an tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Lưu Hồ sơ; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Hạnh